

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	7 - 9
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	10
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	11 - 12
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	13 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước với tên gọi là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp. Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công Thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 07 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04 tháng 7 năm 2022 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty - theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 11 ngày 04 tháng 07 năm 2022 là: 1.419.915.000.000 VND (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt là: MIE.

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn Upcom với mã giao dịch là MIE.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quốc Toàn	Chủ tịch
Ông Phạm Thành Đông	Thành viên
Ông Hoàng Minh Việt	Thành viên
Ông Cù Ngọc Phương	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên
Ông Lê Huy Hải	Thành viên
	Miễn nhiệm ngày 15/3/2024
	Bỏ nhiệm ngày 15/3/2024

Ban Kiểm soát

Ông Đinh Quang Hòa	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	Thành viên
Bà Lê Thị Minh Huyền	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Thành Đông	Tổng Giám đốc
Ông Đậu Huy Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Trung Thực	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/6/2023)
Ông Lê Huy Hải	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp trong năm tài chính 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, ✓



Phạm Thành Đông

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP, được lập ngày 27/3/2024, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Mục 5.2.b, Phần 5, Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Tổng Công ty có khoản đầu tư vào hai công ty con là Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Sản phẩm cơ khí và Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ Thuật với giá trị ghi sổ tại ngày 31/12/2023 lần lượt là 186.946.683.204 VND và 35.893.995.830 VND (tại ngày 31/12/2022 có giá trị là 186.946.683.204 VND và 35.893.995.830 VND). Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Tổng Công ty chưa đánh giá sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư vào hai Công ty con này. Chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng phải trích lập tại ngày 31/12/2023 và ngày 31/12/2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Mục 4, Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, tại ngày phát hành Báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang tiếp tục được thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

Như trình bày tại Mục 5.20.b, Phần 5, Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Vốn Điều lệ đăng ký trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2023, Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp là 1.418.634.488.001 VND, chênh lệch là (1.280.511.999) VND so với Vốn Điều lệ đăng ký. Chênh lệch này là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo quy định. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty mẹ và 4 Công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn Điều lệ đăng ký theo quy định.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên.



Phan Huy Thắng**Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0147-2023-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Trần Minh Nghiệp**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 4937-2024-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		255.546.243.552	293.884.951.635
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.917.239.579	10.882.535.869
1. Tiền	111		5.917.239.579	3.877.933.129
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	7.004.602.740
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	34.372.052.075	33.627.947.925
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		34.372.052.075	33.627.947.925
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		149.222.984.412	141.034.135.737
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	143.575.817.383	127.765.494.952
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	3.495.906.748	9.258.315.849
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		637.500.000	637.500.000
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	3.000.000.000	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	8.366.549.523	7.311.913.637
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(9.852.789.242)	(3.939.088.701)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	60.397.030.487	87.666.422.608
1. Hàng tồn kho	141		60.397.030.487	87.666.422.608
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.636.936.999	20.673.909.496
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	9.518.759	17.602.268
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.054.241.217	20.542.496.256
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	573.177.023	113.810.972
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		1.235.395.185.782	1.231.862.788.967
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.037.500.000	37.500.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	6.000.000.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	37.500.000	37.500.000
II. Tài sản cố định	220		27.646.083.411	29.739.410.889
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	27.646.083.411	29.739.410.889
- Nguyên giá	222		48.729.426.021	48.491.426.021
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.083.342.610)	(18.752.015.132)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	-	-
- Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(100.000.000)	(100.000.000)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	20.708.192.921	21.417.681.063
- Nguyên giá	231		24.131.015.298	24.131.015.298
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.422.822.377)	(2.713.334.235)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	1.180.460.941.347	1.180.460.941.347
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.160.969.434.283	1.160.969.434.283
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.772.952.058	1.772.952.058
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		17.718.555.006	17.718.555.006
VI. Tài sản dài hạn khác	260		542.468.103	207.255.668
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	542.468.103	207.255.668
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.490.941.429.334	1.525.747.740.602

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		71.491.871.157	107.006.933.307
I. Nợ ngắn hạn	310		71.491.871.157	107.006.933.307
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	33.557.510.907	35.537.341.087
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	3.214.655.293	31.279.228.718
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	65.523.707	312.351.067
4. Phải trả người lao động	314		3.077.505.694	948.051.976
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	5.970.633.670	7.301.756.203
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	780.522.727	778.681.818
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	18.718.658.394	18.811.950.358
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	5.370.003.547	9.170.003.547
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	816.715.335
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		736.857.218	2.050.853.198
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		1.419.449.558.177	1.418.740.807.295
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	1.419.449.558.177	1.418.740.807.295
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		815.070.176	106.319.294
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		732.024	732.024
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		814.338.152	105.587.270
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.490.941.429.334	1.525.747.740.602

Người lập



Nguyễn Trung Kiên

Phụ trách kế toán



Đào Văn Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



Phạm Thành Đông

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	267.710.561.982	297.242.320.068
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		267.710.561.982	297.242.320.068
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	241.265.753.767	276.461.876.044
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		26.444.808.215	20.780.444.024
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.696.540.014	1.348.654.790
7. Chi phí tài chính	22	6.4	710.674.264	3.078.226.707
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		679.495.480	2.509.589.556
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	30.935.214.153	19.909.065.237
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(1.504.540.188)	(858.193.130)
11. Thu nhập khác	31	6.6	3.697.971.609	18.813.289.834
12. Chi phí khác	32	6.7	952.594.437	17.643.823.420
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		2.745.377.172	1.169.466.414
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		1.240.836.984	311.273.284
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	426.498.832	205.686.014
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		814.338.152	105.587.270

Người lập



Nguyễn Trung Kiên

Phụ trách kế toán



Đào Văn Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



Phạm Thành Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.240.836.984	311.273.284
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.114.815.620	2.929.692.126
Các khoản dự phòng	03		5.913.700.541	216.715.335
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		19.144.550	492.795.419
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.543.684.043)	(1.165.063.871)
Chi phí lãi vay	06		679.495.480	2.509.589.556
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		7.424.309.132	5.295.001.849
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		19.244.866.355	134.897.824.929
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		27.269.392.121	51.366.881.199
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(44.701.454.186)	(74.206.793.568)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(327.128.926)	(108.696.351)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(391.763.067)	(2.347.318.337)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(599.947.157)	(72.644.297)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	47.760.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.459.424.812)	(1.761.202.965)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		6.458.849.460	113.110.812.459
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(198.900.000)	(800.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		7.272.727	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(51.872.052.075)	(35.627.947.925)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		42.127.947.925	13.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.322.518.866	1.165.063.871
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(7.613.212.557)	(22.262.884.054)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		29.503.315.758	43.919.237.285
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(33.303.315.758)	(132.323.841.955)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(561.106.963)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(3.800.000.000)</i>	<i>(88.965.711.633)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(4.954.363.097)	1.882.216.772
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.882.535.869	8.926.040.337
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi n.tệ	61		(10.933.193)	74.278.760
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	5.917.239.579	10.882.535.869

Người lập



Nguyễn Trung Kiên

Phụ trách kế toán



Đào Văn Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



Phạm Thành Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trước đây là doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp, được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3168/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công Thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 07 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04 tháng 7 năm 2022 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 21/11/2022, Tổng Công ty đã nhận được Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo Giấy xác nhận này, Tổng Công ty đã bổ sung thêm ngành, nghề kinh doanh.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty - theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 11 ngày 04 tháng 7 năm 2022 là: 1.419.915.000.000 VND (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt là: MIE.

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn Upcom với mã giao dịch là MIE.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2023 là: 65 người (tại ngày 31/12/2022 là 64 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng);
- Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập, điện mặt trời;
- Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị;
- Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; kinh doanh thương mại...

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết, đơn vị trực thuộc như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tên	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
I. Công ty con			
1. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Sản xuất chế tạo máy, cắt gọt kim loại, thiết bị công nghệ, Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị công nghiệp vật tư,...	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Thiết kế, chế tạo công nghệ dây chuyền bột giấy, chế tạo các kết cấu thép, thiết bị phụ tùng công nghiệp, kiểm tra X quang thiết bị chịu áp lực Sản xuất các sản phẩm giấy, nhập khẩu thiết bị vật tư, kinh doanh kho bãi văn phòng, xuất nhập khẩu thiết bị điện, điện tử công nghiệp dân dụng	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Mua bán, xuất nhập khẩu đồ gia dụng, nông sản, máy móc thiết bị, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí...	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Môi giới thương mại ...	100%	100%
5. Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Sản xuất kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại khung nhà xưởng, thép cán xây dựng thép hình Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị	98,189%	98,189%
6. Công ty CP Dụng cụ số 1	Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và dụng cụ đo lường cơ khí	51%	51%
II. Công ty liên doanh, liên kết			
1. Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	Kinh doanh siêu thị, nhà hàng, khách sạn, dự án đầu tư	20%	20%
III Đơn vị trực thuộc			
1. Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (*)	Giao dịch, mua bán máy móc thiết bị, vật tư công nghiệp; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; ...	100%	100%
2. Công ty Xây lắp công nghiệp	Chuẩn bị mặt bằng; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; ...	100%	100%
3. Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật công nghiệp	Tư vấn đầu tư, dịch vụ công nghiệp và chuyển giao công nghệ; Thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Công ty ủy quyền	100%	100%



(*) Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (đơn vị trực thuộc) tạm ngừng hoạt động trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 30/11/2024 căn cứ theo Quyết định số 959/QĐ-MIE-TCNS ngày 8 tháng 11 năm 2023 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP và Giấy xác nhận tạm ngừng hoạt động của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/11/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Quyết toán Cổ phần hóa**

Tại ngày phát hành Báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang tiếp tục được thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư khác (Tiếp theo)

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà	40

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm: Công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa và chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước (số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng).

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức phải trả

Cổ tức được ghi nhận là Nợ phải trả khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí tài chính khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)

Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động sản xuất và điều hành của Tổng Công ty tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội trong khi các hoạt động mua hàng và tiêu thụ xảy ra trong phạm vi cả nước và nước ngoài. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	255.762.567	232.723.002
Tiền gửi ngân hàng	5.661.477.012	3.645.210.127
Các khoản tương đương tiền	-	7.004.602.740
Tổng	5.917.239.579	10.882.535.869

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	34.372.052.075	34.372.052.075	33.627.947.925	33.627.947.925
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (từ 3 tháng đến 12 tháng)</i>				
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (*)	25.000.000.000	25.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (**)	9.372.052.075	9.372.052.075	9.627.947.925	9.627.947.925
Tổng	34.372.052.075	34.372.052.075	33.627.947.925	33.627.947.925

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 4,5%/năm - 8%/năm.

Trong số 25.000.000.000 VND tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, có 15.000.000.000 VND đã được Tổng Công ty sử dụng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay của Tổng Công ty tại ngân hàng này.

(**) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại, lãi suất 7,5%/năm.

Trong số 9.372.052.075 VND tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương, có 9.372.052.075 VND đã được Tổng Công ty sử dụng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay của Tổng Công ty tại ngân hàng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ (%)		31/12/2023			01/01/2023		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			1.160.969.434.283	(*)	-	1.160.969.434.283	(*)	-
{1} Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	100	100	644.670.174.361	-	-	644.670.174.361	-	-
{2} Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	100	100	163.327.600.924	-	-	163.327.600.924	-	-
{3} Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm cơ khí	100	100	186.946.683.204	-	-	186.946.683.204	-	-
{4} Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	100	100	35.893.995.830	-	-	35.893.995.830	-	-
{5} Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	98,189	98,189	126.294.786.164	-	-	126.294.786.164	-	-
{6} Công ty CP Dụng cụ số 1	51	51	3.836.193.800	-	-	3.836.193.800	-	-
Đầu tư vào Công ty liên kết			1.772.952.058	(*)	-	1.772.952.058	(*)	-
{7} Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	20	20	1.772.952.058	-	-	1.772.952.058	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			17.718.555.006	(*)	-	17.718.555.006	(*)	-
{8} Công ty CP Đá Mài Hải Dương	2,22	2,22	3.381.542.806	-	-	3.381.542.806	-	-
{9} Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng	10	10	1.432.012.200	-	-	1.432.012.200	-	-
{10} Công ty CP Xi măng Đồng Bành	10,37	10,37	12.905.000.000	-	-	12.905.000.000	-	-
<i>Vốn góp của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP</i>			-	-	-	-	-	-
<i>Vốn góp của các cổ đông khác</i>			12.905.000.000	-	-	12.905.000.000	-	-
Tổng			1.180.460.941.347		-	1.180.460.941.347		-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

{1} Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/9/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty. Hiện tại, Công ty đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty.

{2} Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/9/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty. Tương tự như các công ty con do Tổng Công ty sở hữu 100% Vốn Điều lệ, Công ty đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty.

Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp (đơn vị trực thuộc của Công ty) trước đây do Ông Nguyễn Duy Xuyên - Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp điều hành. Do có những dấu hiệu cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 142/PC44 (Đ2) ngày 19/4/2013 khởi tố vụ án hình sự, Quyết định số 572/PC44(Đ2) ngày 05/8/2013 và lệnh bắt tạm giam số 76/PC44(Đ2) cùng ngày khởi tố bị can đối với Ông Nguyễn Duy Xuyên.

Theo Bản án phúc thẩm số 536/2022/HS-PT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: Sửa một phần quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2020/HS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- (i) Buộc Nguyễn Duy Xuyên và Thân Thị Nhậm phải liên đới bồi thường cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội (Agribank - Chi nhánh Nam Hà Nội) số tiền 24.990.000.000 VND và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (Vietinbank - Chi nhánh Đông Hà Nội) số tiền 24.262.809.296 VND. Tổng cộng buộc Nguyễn Duy Xuyên và Thân Thị Nhậm phải bồi thường trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội là 49.252.809.296 VND. Chia theo kỳ phần, Nguyễn Duy Xuyên phải bồi thường là 30.000.000.000 VND, Thân Thị Nhậm phải bồi thường là 19.252.809.296 VND.
- (ii) Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung số 96/CV-CKQT ngày 24 tháng 02 năm 2020 gửi tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trả lại cho Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung tổng số tiền gốc là 695.138.503 VND và tiền lãi suất theo quy định của Ngân hàng tính đến ngày thanh toán hết gốc và lãi.

Ngày 18/7/2023, Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung đã họp (Biên bản họp) và đồng ý xử lý theo đúng các nội dung đã nêu tại tờ trình số 26.06/CKQT-TCKT ngày 26/6/2023.

Ngoài ra, cũng theo Biên bản họp này, Công ty còn tồn tại các vấn đề chưa được xử lý do Công ty chưa thể làm việc được đối với ông Nguyễn Duy Xuyên và bà Thân Thị Nhậm để xác định các thiệt hại mà các đối tượng này đã trực tiếp (hoặc gián tiếp) gây ra cho Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp cũng như các biện pháp khắc phục hậu quả. Sau khi xác định được tổn thất, Công ty sẽ thực hiện các xử lý tài chính tiếp theo.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, do vụ án đang trong giai đoạn thi hành án, nên Công ty chưa xác định được tổn thất đối với các khoản nợ phải thu, xác định nghĩa vụ và giá trị đối với các khoản nợ phải trả tồn đọng liên quan đến các đối tượng của vụ án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

{3} Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/9/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty và Công ty cũng đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty chưa bao gồm các khoản điều chỉnh liên quan đến việc đánh giá tổn thất của các khoản trả trước cho người bán tồn đọng có giá trị 20.549.503.289 VND, các khoản đầu tư tài chính có giá trị 3.795.990.000 VND phát sinh trước thời điểm 30/9/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp) và các khoản phải thu khách hàng đã quá hạn thanh toán hoặc thu hồi rất chậm có tổng giá trị 38.682.712.476 VND. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, việc xử lý các khoản nợ tồn đọng và các khoản đầu tư tài chính nêu trên đang chờ kết quả phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty.

{4} Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật (sau đây được gọi tắt là “Techno Import”) do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/9/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty. Tương tự các công ty do Tổng Công ty sở hữu 100% Vốn Điều lệ, Công ty đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Techno Import bao gồm khoản công nợ phải thu tồn đọng trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và đang chờ cơ quan có thẩm quyền xem xét là 65.154.909.973 VND và giá trị tổn thất của hàng tồn kho (máy in màu) chưa được hạch toán vào chi phí trong kỳ là 1.161.556.338 VND.

Ngày 26/3/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 276/CV-MIE-DDV trình Bộ Công thương về việc báo cáo và đề xuất thực hiện tái cơ cấu Techno Import. Ngày 22/6/2018, Bộ Công thương đã có Công văn số 4961/BCT-CN về việc tái cơ cấu Techno Import đồng ý chủ trương thoái vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Techno Import. Ngày 29/8/2018, Bộ Công thương có Công văn số 6935/BCT-CN về phương án thoái vốn của MIE tại Techno Import. Ngày 29/11/2018, Bộ Tài chính đã có Công văn số 14893/BTC-TCDN về việc hướng dẫn thực hiện thoái vốn MIE đầu tư tại Techno Import.

Ngày 19/4/2019, Tổng Công ty có Văn bản số 321/CV-MIE-DDV trình Bộ Công thương xem xét, chấp thuận Phương án chuyển nhượng tài sản vốn góp của Tổng Công ty tại Techno Import. Theo đó, Tổng công ty xin đề nghị vận dụng Nghị định số 128/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ về bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước để thực hiện quy trình, thủ tục chuyển nhượng tài sản vốn góp của Tổng Công ty tại Techno Import thông qua phương thức bán đấu giá doanh nghiệp có kế thừa công nợ. Ngày 08/7/2019, Bộ Công thương đã có Văn bản số 4857/BCT-CN nêu rõ Tổng Công ty không thuộc đối tượng và điều kiện áp dụng của Nghị định số 128/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014.

{5} Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải: được chuyển đổi từ Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải trực thuộc Tổng Công ty. Tổng Công ty sở hữu 98,189% cổ phiếu có quyền biểu quyết.

{6} Công ty CP Dụng cụ số 1: Được chuyển đổi từ Công ty dụng cụ cắt và đo lường trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 3.150.600.000 VND, chiếm 51% cổ phiếu có quyền biểu quyết và được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 4.099.574.020 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Dụng cụ số 1 được Tổng Công ty ghi nhận là 3.836.193.800 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

{7} Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội: Vốn Điều lệ là 90.000.000.000 VND chia thành 900.000 cổ phần, Tổng Công ty sở hữu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 1.800.000.000 VND. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội được Tổng Công ty ghi nhận là 1.772.952.058 VND.

{8} Công ty CP Đá Mài Hải Dương: được chuyển đổi từ Công ty Đá Mài trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.000.000.000 VND, chiếm 2,22% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Căn cứ vào kết quả xác định giá trị đã được phê duyệt, khoản đầu tư này được đánh giá là 1.631.736.071 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 3.717.410.306 VND. Tại ngày 31/12/2023, giá trị khoản đầu tư này được ghi nhận là 3.381.542.806 VND (bao gồm khoản cổ tức mà Tổng Công ty nhận được của giai đoạn trước, sau khi chuyển sang công ty cổ phần).

{9} Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng: Được chuyển đổi từ Nhà Máy Cơ khí Chế tạo Hải Phòng trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.037.690.000 VND, chiếm 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 1.463.141.355 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), căn cứ vào giá giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng, Tổng Công ty đánh giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 1.432.012.200 VND. Ngày 27/3/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 269/CV-MIE-HĐQT gửi Bộ Công thương về việc thoái vốn MIE đầu tư tại Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Ngày 04/5/2018, Bộ Công thương đã có Công văn số 3475/BCT-CN đồng ý về việc thoái hết phần vốn Tổng Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Tuy nhiên việc thoái vốn không thành công và Tổng công ty đã báo cáo với Bộ Công thương.

{10} Công ty CP Xi măng Đồng Bành: Vốn Điều lệ là 301.000.000.000 VND. Ban đầu, khoản đầu tư này được Tổng Công ty ghi nhận là 31.200.000.000 VND, chiếm 10,37% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 27.298.839.658 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty đánh giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 12.905.000.000 VND, tương ứng với giá trị đầu tư của các cổ đông khác.

Ngoài ra, ngày 27/9/2023, Tổng Công ty đã hoàn thành xây dựng "Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP". Tổng Công ty đã gửi Công văn số 853/CV-MIE-ĐĐV ngày 27/9/2023 đến Bộ Công thương chờ phê duyệt "Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty Máy và thiết bị công nghiệp - CTCP".

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Tổng Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và Các khoản đầu tư khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 bởi vì không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về cách xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.3. Phải thu của khách hàng	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	143.575.817.383	127.765.494.952
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	1.785.517.375	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	4.964.766.807	-
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	3.890.402.045	-
Ban Quản lý dự án Điện 2 - Tập đoàn điện lực Việt Nam	28.232.045.741	20.092.629.186
Công ty CP Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	41.536.297.736	42.136.297.736
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	18.668.006.133	18.165.968.467
Đối tượng khác	44.498.781.546	47.370.599.563
Tổng	143.575.817.383	127.765.494.952
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các Bên liên quan</i> (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	<i>10.640.686.227</i>	<i>-</i>

5.4. Trả trước cho người bán	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	-	4.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long	1.005.757.988	1.513.466.135
Các đối tượng khác	2.490.148.760	3.744.849.714
Tổng	3.495.906.748	9.258.315.849
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho người bán là các Bên liên quan</i> (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	<i>-</i>	<i>4.000.000.000</i>

5.5. Phải thu về cho vay	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí {1}	3.000.000.000	-
b) Dài hạn	6.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1 {2}	6.000.000.000	-
Tổng	9.000.000.000	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu về cho vay là các Bên liên quan</i> (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	<i>9.000.000.000</i>	<i>-</i>

{1} Hợp đồng vay tiền số: 0610/2023/HĐVT-MIE-MECA ngày 06 tháng 10 năm 2023, theo đó: Số tiền vay: 3.000.000.000 VND; Thời hạn vay: 6 tháng; Lãi suất: 8,0%/năm.

{2} Hợp đồng vay tiền số: 2104/2023/HĐVT-MIE-TJC ngày 21 tháng 4 năm 2023, theo đó: Số tiền vay: 6.000.000.000 VND; Thời hạn vay: 24 tháng; Lãi suất: 12 tháng đầu tiên: 8,5%/năm, 12 tháng tiếp theo bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng của MIE tại BIDV + biên độ 1%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.6. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	8.366.549.523	-	7.311.913.637	-
Phải thu về cổ phần hóa	3.423.839.908	-	3.423.839.908	-
Bảo hiểm xã hội, Y tế	2.838.584	-	407.909	-
Tạm ứng	3.030.782.763	-	3.189.797.363	-
Phải thu Công ty con	388.782.351	-	6.919.337	-
<i>Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1</i>	<i>354.904.110</i>	-	-	-
<i>Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí</i>	<i>26.958.904</i>	-	-	-
<i>Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội</i>	<i>6.919.337</i>	-	<i>6.919.337</i>	-
Phải thu khác	1.520.305.917	-	690.949.120	-
b) Dài hạn	37.500.000	-	37.500.000	-
Ký cược, ký quỹ	37.500.000	-	37.500.000	-
Tổng	8.404.049.523	-	7.349.413.637	-
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu khác Bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	388.782.351	-	6.919.337	-

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.7. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Ngắn hạn						
Phải thu của khách hàng	45.589.086.978	35.736.297.736	(9.852.789.242)	3.939.088.701	-	(3.939.088.701)
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng	2.196.370.548	-	(2.196.370.548)	2.196.370.548	-	(2.196.370.548)
Công ty CP Cơ khí Điện lực	-	-	-	1.742.718.153	-	(1.742.718.153)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ kỹ thuật TJS	1.074.362.256	-	(1.074.362.256)	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	41.536.297.736	35.736.297.736	(5.800.000.000)	-	-	-
Chi nhánh Tư vấn thiết kế & xây dựng	269.196.839	-	(269.196.839)	-	-	-
Công ty CP Cơ khí LICOGI 16	512.859.599	-	(512.859.599)	-	-	-
Tổng	45.589.086.978	35.736.297.736	(9.852.789.242)	3.939.088.701	-	(3.939.088.701)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.8. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SXKD dở dang	31.207.087.552	-	55.764.803.446	-
Hàng hoá	29.189.942.935	-	31.901.619.162	-
Tổng	60.397.030.487	-	87.666.422.608	-

5.9. Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	9.518.759	17.602.268
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	9.518.759	17.602.268
b) Dài hạn	542.468.103	207.255.668
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	121.224.330	199.605.668
Chi phí trả trước dài hạn khác	421.243.773	7.650.000
Tổng	551.986.862	224.857.936

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.10. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tổng
	Số dư đầu năm	Tăng giảm	Số dư đầu năm	Tăng giảm	Số dư đầu năm	Tăng giảm	Số dư đầu năm	Tăng giảm	
NGUYÊN GIÁ									
Số dư tại ngày 01/01/2023	41.972.594.163		282.774.500		5.914.430.630		321.626.728		48.491.426.021
Tăng trong năm	-	312.000.000	312.000.000		-		-		312.000.000
- Mua trong năm	-	312.000.000	312.000.000		-		-		312.000.000
Giảm trong năm	-	(74.000.000)	(74.000.000)		-		-		(74.000.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(74.000.000)	(74.000.000)		-		-		(74.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2023	41.972.594.163		520.774.500		5.914.430.630		321.626.728		48.729.426.021
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ									
Số dư tại ngày 01/01/2023	15.740.598.177		270.945.112		2.452.852.976		287.618.867		18.752.015.132
Tăng trong năm	1.654.585.572		72.188.378		661.876.744		16.676.784		2.405.327.478
- Khấu hao trong năm	1.654.585.572		72.188.378		661.876.744		16.676.784		2.405.327.478
Giảm trong năm	-		(74.000.000)		-		-		(74.000.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-		(74.000.000)		-		-		(74.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2023	17.395.183.749		269.133.490		3.114.729.720		304.295.651		21.083.342.610
GIÁ TRỊ CÒN LẠI									
Tại ngày 01/01/2023	26.231.995.986		11.829.388		3.461.577.654		34.007.861		29.739.410.889
Tại ngày 31/12/2023	24.577.410.414		251.641.010		2.799.700.910		17.331.077		27.646.083.411

Đơn vị tính: VND

- Nguyên giá các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 606.263.271 VND (tại ngày 31/12/2022 là 680.263.271 VND).
- Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty đã sử dụng tài sản trên đất là trụ sở Tổng Công ty tại 7A Mạc Thị Bưởi, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam. Giá trị còn lại của tài sản này tại ngày 31/12/2023 là: 24.232.650.038 VND và tại ngày 31/12/2022 là: 25.796.046.818 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.11. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	100.000.000	100.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	100.000.000	100.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	100.000.000	100.000.000
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	100.000.000	100.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	-	-
Tại ngày 31/12/2023	-	-

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 100.000.000 VND (tại ngày 31/12/2022 là 100.000.000 VND).

5.12. Tăng, giảm Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2023	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2023
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	24.131.015.298	-	-	24.131.015.298
Nhà	24.131.015.298	-	-	24.131.015.298
Giá trị hao mòn lũy kế	2.713.334.235	709.488.142	-	3.422.822.377
Nhà	2.713.334.235	709.488.142	-	3.422.822.377
Giá trị còn lại	21.417.681.063	-	709.488.142	20.708.192.921
Nhà	21.417.681.063	-	709.488.142	20.708.192.921

Bất động sản đầu tư cho thuê tại tầng 4, Tòa nhà SME Hoàng Gia, số 12 Tô Hiệu, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội được Tổng Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2 với số tiền lần lượt là 853.027.057 VND và 709.488.142 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.13. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	33.557.510.907	33.557.510.907	35.537.341.087	35.537.341.087
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	12.228.348.244	12.228.348.244	3.073.550.786	3.073.550.786
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	1.560.937.298	1.560.937.298	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ xây lắp Bảo Diệp	1.829.720.677	1.829.720.677	4.356.394.265	4.356.394.265
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ tổng hợp GES	-	-	4.420.771.669	4.420.771.669
Cty CP Cơ điện Miền Trung	-	-	7.719.404.644	7.719.404.644
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cơ khí Đồng Tâm	3.787.756.151	3.787.756.151	-	-
Các đối tượng khác	14.150.748.537	14.150.748.537	15.967.219.723	15.967.219.723
Tổng	33.557.510.907	33.557.510.907	35.537.341.087	35.537.341.087
<i>Trong đó:</i>				
Phải trả người bán là các Bên liên quan	14.166.755.107	14.166.755.107	3.115.209.876	3.115.209.876

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

5.14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	3.214.655.293	31.279.228.718
Công ty Cổ phần đầu tư thủy điện Thác Bà 2	-	8.342.716.498
Công ty Cổ phần thủy điện Bó Sinh	-	8.935.520.500
Viện Nghiên cứu Cơ khí	266.796.593	9.759.830.183
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	1.416.960.000	1.544.400.000
Đối tượng khác	1.530.898.700	2.696.761.537
Tổng	3.214.655.293	31.279.228.718

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2023	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2023
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	299.301.818	1.236.672.172	1.472.850.283	63.123.707
Thuế xuất, nhập khẩu	-	37.599.233	37.599.233	-
Thuế thu nhập cá nhân	13.049.249	70.189.174	80.838.423	2.400.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	410.457.477	410.457.477	-
Các loại thuế	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng	312.351.067	1.757.918.056	2.004.745.416	65.523.707
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	10.920.722	-	285.024.713	295.945.435
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.379.913	426.498.832	599.947.157	174.828.238
Thuế thu nhập cá nhân	-	103.443.964	112.431.193	8.987.229
Phải nộp khác	101.510.337	306.579.646	298.485.430	93.416.121
Tổng	113.810.972	836.522.442	1.295.888.493	573.177.023

5.16. Chi phí phải trả

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	5.970.633.670	7.301.756.203
Lãi vay phải trả	5.937.133.670	5.649.401.257
Chi phí phải trả khác	33.500.000	1.652.354.946
Tổng	5.970.633.670	7.301.756.203

5.17. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	780.522.727	778.681.818
Cho thuê Văn phòng	780.522.727	778.681.818
Tổng	780.522.727	778.681.818

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.18. Phải trả khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	18.718.658.394	18.811.950.358
Thu của các cổ đông góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000
Kinh phí công đoàn	24.762.256	12.360.640
Phải trả về CPH	4.257.988.040	4.257.988.040
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	625.835.958	633.250.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	905.072.140	1.003.351.678
Tổng	18.718.658.394	18.811.950.358

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.19. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	5.370.003.547	5.370.003.547	29.503.315.758	33.303.315.758	9.170.003.547	9.170.003.547
Vay ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	-	28.303.315.758	33.303.315.758	5.000.000.000	5.000.000.000
Vay Cá nhân						
Vay các cá nhân thuộc Tổng Công ty	1.370.003.547	1.370.003.547	1.200.000.000	-	170.003.547	170.003.547
Nợ dài hạn đến hạn trả						
Tổng Công ty Bia rượu và NGK Sài Gòn {1} (nay là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn) - SABECO	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Tổng	5.370.003.547	5.370.003.547	29.503.315.758	33.303.315.758	9.170.003.547	9.170.003.547

Thông tin các khoản vay

{1} Khoản vay Tổng Công ty Bia rượu và NGK Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn) - SABECO, lãi suất là 6,6%/năm, thời hạn vay 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.20. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	1.418.634.488.001	747.694.005	1.419.382.182.006
Lãi trong năm trước	-	105.587.270	105.587.270
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	(746.961.981)	(746.961.981)
Số dư tại ngày 31/12/2022	1.418.634.488.001	106.319.294	1.418.740.807.295
Số dư tại ngày 01/01/2023	1.418.634.488.001	106.319.294	1.418.740.807.295
Lãi trong năm nay	-	814.338.152	814.338.152
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	(105.587.270)	(105.587.270)
Số dư tại ngày 31/12/2023	1.418.634.488.001	815.070.176	1.419.449.558.177

b) Chi tiết Vốn góp của chủ sở hữu

Đối tượng	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Vốn của Nhà nước và các cổ đông khác (*)	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Tổng	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001

(*) Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND lớn hơn Vốn góp của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp 1.280.511.999 VND là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo quy định. Công ty mẹ và 4 công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn theo quy định.

c) Các giao dịch về vốn Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp đầu năm	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001

d) Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	141.991.500	141.991.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND / Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	64.938.627.125	23.524.828.095
Doanh thu dự án	202.771.934.857	273.717.491.973
Tổng	267.710.561.982	297.242.320.068
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các Bên liên quan</i> (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	47.278.838.766	7.780.595.609

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ	58.571.473.378	19.608.877.203
Giá vốn dự án	182.694.280.389	256.852.998.841
Tổng	241.265.753.767	276.461.876.044

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.263.323.210	942.732.371
Cổ tức, lợi nhuận được chia	273.088.106	222.331.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	143.960.612	183.565.531
Doanh thu hoạt động tài chính khác	16.168.086	25.388
Tổng	3.696.540.014	1.348.654.790

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	679.495.480	2.509.589.556
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.034.234	75.841.732
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	19.144.550	492.795.419
Tổng	710.674.264	3.078.226.707

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.719.678.026	7.484.579.852
Chi phí vật liệu quản lý	-	11.762.290
Chi phí đồ dùng văn phòng	219.033.760	216.143.990
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.405.327.478	2.344.598.562
Thuế, phí và lệ phí	424.354.973	645.933.241
Dự phòng phải thu khó đòi	5.913.700.541	(600.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.261.413.288	1.083.399.367
Chi phí bằng tiền khác	8.991.706.087	8.722.647.935
Tổng	30.935.214.153	19.909.065.237

6.6. Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Xử lý công nợ lâu năm	1.015.416.294	14.645.174.281
Xử lý các khoản nợ khác	-	3.581.747.502
Thanh lý Tài sản cố định	7.272.727	-
Thanh lý vật tư thừa	-	491.046.496
Tiền bồi thường, tiền phạt	2.607.686.642	-
Thu nhập khác	67.595.946	95.321.555
Tổng	3.697.971.609	18.813.289.834

6.7. Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền chậm nộp thuế, BHXH, phạt hành chính	226.806.499	720.382.357
Xử lý công nợ lâu năm	-	16.563.441.024
Tiền phạt, tiền bồi thường	719.247.939	84.901.450
Chi phí khác	6.539.999	275.098.589
Tổng	952.594.437	17.643.823.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.240.836.984	311.273.284
Các khoản điều chỉnh		
Tăng Thu nhập chịu thuế	432.939.095	714.956.782
+ <i>Khấu hao ô tô</i>	101.931.840	101.931.840
+ <i>Phạt hành chính và phạt chậm nộp</i>	-	385.428.456
+ <i>Chi phí không hợp lý và chi phí khác</i>	331.007.255	227.596.486
Giảm Thu nhập do được miễn thuế	(273.088.106)	(222.331.500)
+ <i>Cổ tức nhận được trong năm</i>	(273.088.106)	(222.331.500)
Tổng lợi nhuận kế toán sau điều chỉnh	1.400.687.973	803.898.566
Chuyển lỗ các năm trước	-	-
Tổng thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.400.687.973	803.898.566
Chi phí Thuế TNDN hiện hành	426.498.832	205.686.014

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	148.294.765.448	185.190.390.468
Chi phí nhân công	17.474.579.264	10.968.516.499
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.405.327.478	2.344.598.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.984.581.889	14.965.109.385
Chi phí bằng tiền khác	20.561.892.689	12.465.471.338
Tổng	198.721.146.768	225.934.086.252

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Giao dịch đối với Bên liên quan

a) Thông tin

Đối tượng	Mối quan hệ
Tổ chức	
Bộ Công thương	Cổ đông lớn và có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Công ty con
Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	Công ty con
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Công ty con
Công ty CP Dụng cụ số 1	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết
Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP	Đơn vị trực thuộc
Công ty Xây lắp công nghiệp	Đơn vị trực thuộc
Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp	Đơn vị trực thuộc
Cá nhân	
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Ảnh hưởng đáng kể
Và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là bên liên quan của Tổng công ty	
<i>Bao gồm:</i>	
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	
Trần Quốc Toàn	Chủ tịch HĐQT
Phạm Thành Đông	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Hoàng Minh Việt	Thành viên HĐQT
Cù Ngọc Phương	Thành viên HĐQT
Trần Thị Thu Trang	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/3/2024)
Lê Huy Hải	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm ngày 15/3/2024)
Đậu Huy Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc
Vũ Trung Thực	Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	
Đình Quang Hòa	Trưởng ban kiểm soát
Nguyễn Thị Khánh Ly	Ủy viên ban kiểm soát
Lê Thị Minh Huyền	Ủy viên ban kiểm soát
Người quản lý khác	
Nguyễn Ngọc Hùng	Đại diện vốn của Nhà nước
Đình Hồng Mai	Chủ tịch công đoàn Tổng công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.1. Giao dịch đối với bên liên quan (Tiếp theo)

b) Giao dịch với Bên liên quan

Thu nhập của nhân sự chủ chốt	Tiền lương và thù lao	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		1.573.027.984	1.269.189.960
Trần Quốc Toàn		426.045.628	339.224.160
Phạm Thành Đông		412.760.014	141.603.000
Hoàng Minh Việt		296.058.702	200.124.000
Cù Ngọc Phương		61.000.000	36.000.000
Trần Thị Thu Trang		195.495.333	260.124.000
Lê Huy Hải		76.000.000	30.000.000
Lê Quốc Hưng		-	137.403.000
Đậu Huy Ngọc Linh		21.133.661	-
Vũ Trung Thực		84.534.646	124.711.800
Ban kiểm soát		344.058.702	248.124.000
Đình Quang Hòa		296.058.702	200.124.000
Nguyễn Thị Khánh Ly		24.000.000	24.000.000
Lê Thị Minh Huyền		24.000.000	24.000.000
Người quản lý khác		158.376.702	-
Nguyễn Ngọc Hùng		9.000.000	-
Đình Hồng Mai		149.376.702	-

Đối tượng	Giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng Công ty bán hàng cho các đơn vị		47.278.838.766	7.780.595.609
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Bán hàng	28.085.936.010	7.780.595.609
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Bán hàng	10.681.726.567	-
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Bán hàng	8.496.056.189	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thiết bị toàn bộ và kỹ thuật	Bán hàng	15.120.000	-
Tổng Công ty mua hàng của các đơn vị		56.872.297.293	18.196.781.390
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Mua hàng	41.150.626.116	17.846.781.390
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Mua hàng	12.760.478.402	-
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Mua hàng	2.565.583.515	-
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Mua hàng	395.609.260	350.000.000
Tổng Công ty có các giao dịch khác			
Bộ Công thương	Chi trả cổ tức	-	559.883.332
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Cho vay	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Cho vay	3.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.1. Giao dịch đối với bên liên quan (Tiếp theo)

c) Số dư với Bên liên quan

Khoản mục	Mối quan hệ	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		10.640.686.227	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	1.785.517.375	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	4.964.766.807	-
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Công ty con	3.890.402.045	-
Phải thu khác		388.782.351	6.919.337
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Công ty con	354.904.110	-
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Công ty con	26.958.904	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	6.919.337	6.919.337
Phải thu về cho vay		9.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Công ty con	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Công ty con	3.000.000.000	-
Phải trả người bán		14.166.755.107	3.115.209.876
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	12.228.348.244	3.073.550.786
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	1.560.937.298	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	41.659.090	41.659.090
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Công ty con	335.810.475	-
Trả trước cho người bán		-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Công ty con	-	4.000.000.000



7.2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Nguyễn Trung Kiên

Phụ trách kế toán

Đào Văn Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc

Phạm Thành Đông

